

**BIỂU TỔNG HỢP CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2025 SANG NĂM 2026
XÃ LỰC HÀNH**

(Kèm theo Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 03/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Lực Hành)

Đơn vị tính: Đồng

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
	Tổng số (A+B)		23,612,131,192	18,266,907,902	937,657,371	2,016,452,519	966,628,000	-	1,424,485,400	
A	số dư ngân sách tại kho bạc		3,650,082,644	2,712,425,273	937,657,371	-	-	-	-	
I	Nguồn cải cách tiền lương theo quy định		937,657,371		937,657,371		-	-	-	
1	Nguồn 70% vượt thu NS xã (03 xã cũ) năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 thực hiện cải cách tiền lương chưa phân bổ	Ngân sách xã	55,865,456		55,865,456					
2	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2025 (của 03 xã cũ) để thực hiện CCTL chưa phân bổ	Ngân sách xã	208,700,000		208,700,000					
3	Kinh phí 70% kết dư ngân sách năm 2024 (của 03 xã cũ) để thực hiện CCTL chưa phân bổ	Ngân sách xã	208,334,406		208,334,406					
4	Nguồn thực hiện CCTL 2024 chưa sử dụng hết chuyển sang 2025 của 03 xã cũ (Bao gồm chưa phân bổ và dư dự toán đã hủy trong năm 2025)	Ngân sách xã	360,039,061		360,039,061					
5	Nguồn 70% vượt thu NS xã năm 2025 thực hiện cải cách tiền lương	Ngân sách xã	104,718,448		104,718,448					
II	Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản		2,712,425,273	2,712,425,273	-	-	-	-	-	
1	Kinh phí chi đầu tư xây dựng cơ bản chưa phân bổ thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (mã CTMT: 20492) (Xây dựng khối phòng học tập, khối phòng học bộ môn và công trình phụ trợ trường THCS Chiêu Yên (8107058))	Ngân sách xã	2,500,000,000	2,500,000,000						
2	Kinh phí đầu tư xây dựng công trình bếp ăn, tường rào trụ sở Đảng ủy xã (tăng thu, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách xã)	Ngân sách xã	212,425,273	212,425,273						
B	SỐ TỒN TẠI ĐƠN VỊ		19,962,048,548	15,554,482,629	-	2,016,452,519	966,628,000	-	1,424,485,400	
a	Số dư dự toán tại đơn vị		16,866,707,548	12,459,141,629	-	2,016,452,519	966,628,000	-	1,424,485,400	
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản		12,459,141,629	12,459,141,629	-		-	-	-	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		5,047,904,259	5,047,904,259	-		-	-	-	
	Xây dựng nhà văn hoá xã Quý Quân (8087153)	Văn phòng HĐND và UBND xã	157,320,250	157,320,250						
	Xây dựng trường mầm non Quý Quân (8087159)	Văn phòng HĐND và UBND xã	36,995,550	36,995,550						
	Xây dựng đường giao thông thôn 6 xã Quý Quân (8139240)	Văn phòng HĐND và UBND xã	16,231,050	16,231,050						

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyên nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
	Xây dựng đường giao thông thôn 2 xã Quý Quân (8139239)	Văn phòng HĐND và UBND xã	23,754,100	23,754,100						
	Xây dựng đường giao thông thôn từ thôn Vất Cày đi thôn Đồng Dày xã Chiêu Yên (8088274)	Văn phòng HĐND và UBND xã	51,889,000	51,889,000						
	Xây dựng các phòng học, phòng chức năng trường mầm non Quý Quân xã Quý Quân (8143249)	Văn phòng HĐND và UBND xã	3,654,792,000	3,654,792,000						
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Quý Quân phân hiệu Cánh Vành xã Quý Quân (8138094)	Văn phòng HĐND và UBND xã	175,645,309	175,645,309						
	Xây dựng mái che trường PTDT bán trú tiểu học và THCS Quý Quân (8139234)	Văn phòng HĐND và UBND xã	177,213,000	177,213,000						
	Xây dựng kè, taluy, mái che trạm y tế xã Quý Quân (8138098)	Văn phòng HĐND và UBND xã	104,000,000	104,000,000						
	Xây dựng công trình phụ trợ nhà văn hóa xã Quý Quân (8138095)	Văn phòng HĐND và UBND xã	79,360,000	79,360,000						
	Xây dựng công trình thủy lợi phai Đồng Léo xã Quý Quân (8143252)	Văn phòng HĐND và UBND xã	182,074,000	182,074,000						
	Xây dựng công trình nước sinh hoạt Cây Chanh - Soi Long xã Chiêu Yên (8143250)	Văn phòng HĐND và UBND xã	23,800,000	23,800,000						
	Nâng cấp đường dây 0,4 KVA cấp điện cho khu dân cư thôn 4 xã Lục hành (8171484)	Văn phòng HĐND và UBND xã	279,000,000	279,000,000						
	Xây dựng đường giao thông đoạn từ UBND xã đi thôn 5 xã Quý Quân, huyện Yên Sơn tỉnh Tuyên Quang (7990588)	Văn phòng HĐND và UBND xã	84,913,000	84,913,000						
	Xây dựng cầu trần thôn 3 xã Quý Quân (8023479)	Văn phòng HĐND và UBND xã	917,000	917,000						
2	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		4,396,599,370	4,396,599,370	-	-	-	-	-	
	Các hạng mục phụ trợ khác xây dựng nhà văn hoá thôn 1, nhà văn hoá thôn 2, xã Quý Quân (8007827)	Văn phòng HĐND và UBND xã	2,188,000	2,188,000						
	Đường từ nhà ông Vụ đến nhà ông Hùng thôn 1 và Đường bê tông đoạn từ nhà Bà Đặng Thị Lan đến Ông Bàn Văn Thế, thôn 5; từ nhà ông Lâm đến khu sản xuất Khuân Lừu thôn 2 và Đường bê tông đoạn từ đường ĐT 188 đến nhà ông Học thôn 1 (8089759)	Văn phòng HĐND và UBND xã	51,319,370	51,319,370						
	Đường nội đồng thôn Vàng Lê, Cây Chanh, xã Chiêu Yên (8088273)	Văn phòng HĐND và UBND xã	175,404,000	175,404,000						
	ĐBT đoạn từ NVH thôn đến nhà Bà Lan, thôn 5, từ ông Nguyễn Văn Hiểu đến nhà ông Phan Ngọc Lễ, thôn 5 và Cầu trần liên hợp khu ông Phương, thôn 2, xã Quý Quân, huyện YS, tỉnh TQ (8007291)	Văn phòng HĐND và UBND xã	41,000,000	41,000,000						
	Cầu trần liên hợp thôn 1 (8138592)	Văn phòng HĐND và UBND xã	49,683,000	49,683,000						

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyên nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
	Đường điện thôn Làng Quài; thôn Làng Trà; Đồng Ngọc; Bền; (8143248)	Văn phòng HĐND và UBND xã	506,637,000	506,637,000						
	Các hạng mục khác nhà văn hoá thôn Đồng Rôm, thôn Đoàn Kết (8038910)	Văn phòng HĐND và UBND xã	24,000,000	24,000,000						
	Đường bê tông nội đồng thôn Đoàn Kết (8136300)	Văn phòng HĐND và UBND xã	78,000,000	78,000,000						
	Cầu trần liên hợp qua suối ông Cải thôn Vàng Lè, Cầu trần liên hợp qua suối ông Hùng, đường nội đồng thôn Phai Đá và đường nội đồng thôn Cây Chanh, xã Chiêu Yên, huyện YS, tỉnh TQ. (8007286)	Văn phòng HĐND và UBND xã	100,000,000	100,000,000						
	Công trình các phòng học bộ môn, trường PTDTBT TH&THCS Quý Quân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (NSTW) (8005844)	Văn phòng HĐND và UBND xã	100,000,000	100,000,000						
	Đập chứa nước thôn Minh Khai, xã Lục Hành (8087543)	Văn phòng HĐND và UBND xã	223,349,000	223,349,000						
	Mở rộng nâng cấp tuyến đường thôn Làng Trà (8171488)	Văn phòng HĐND và UBND xã	1,500,000,000	1,500,000,000						
	Nâng cấp mở rộng tuyến đường trục thôn Vàng Lè (8171486)	Văn phòng HĐND và UBND xã	1,113,000,000	1,113,000,000						
	Cầu trần và đường bê tông thôn Làng Trà, thôn Bền xã Lục Hành, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (8007410)	Văn phòng HĐND và UBND xã	18,009,000	18,009,000						
	Xây dựng hệ thống cống rãnh khu trung tâm xã Lục Hành, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (8045660)	Văn phòng HĐND và UBND xã	14,010,000	14,010,000						
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Quý Quân (Vốn NSTW) (8007801)	Văn phòng HĐND và UBND xã	120,000,000	120,000,000						
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Quý Quân (Vốn NSDP) (8007801)	Văn phòng HĐND và UBND xã	30,000,000	30,000,000						
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Chiêu Yên (Vốn NSTW) (8007872)	Văn phòng HĐND và UBND xã	200,000,000	200,000,000						
	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt xã Chiêu Yên (Vốn NSDP) (8007872)	Văn phòng HĐND và UBND xã	50,000,000	50,000,000						
3	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và ngân sách huyện chuyển về		2,496,638,000	2,496,638,000	-		-	-	-	
	Xây dựng công và hàng dào trụ sở UBND xã Lục Hành (8171489)	Văn phòng HĐND và UBND xã	416,385,000	416,385,000						
	Sửa chữa đảm bảo giao thông tuyến đường Làng Ngoài 1 đi thôn Đồng Mán, xã Lục Hành (8139679)	Văn phòng HĐND và UBND xã	138,000,000	138,000,000						
	Sửa chữa đảm bảo giao thông tuyến đường Làng Ngoài 1 đi thôn Bền Thọ, xã Chiêu Yên (8143242)	Văn phòng HĐND và UBND xã	226,000,000	226,000,000						
	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị và công trình phụ trợ trường mầm non Chiêu Yên (8106493)	Văn phòng HĐND và UBND xã	476,000,000	476,000,000						

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyên nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn xã Chiêu Yên (7899623)	Ban quản lý dự án thực hiện chương trình Bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Lục Hành	234,084,000	234,084,000						
	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn xã Lục Hành (7899625)	Ban quản lý dự án thực hiện chương trình Bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Lục Hành	749,280,000	749,280,000						
	Bê tông hoá đường giao thông nông thôn xã Quý Quân (7899601)	Ban quản lý dự án thực hiện chương trình Bê tông hóa đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Lục Hành	256,889,000	256,889,000						
4	Chi từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách		518,000,000	518,000,000	-		-	-	-	
	Đường giao thông khu dân cư thôn Đán Khao, xã Lục Hành (8171485)	Văn phòng HDND và UBND xã	518,000,000	518,000,000						
II	Chi thường xuyên		2,983,080,519	-	-	2,016,452,519	966,628,000	-	-	
1	Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề		1,795,724,669	-	-	1,795,724,669	-	-	-	
1.1	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập		1,795,724,669	-	-	1,795,724,669	-	-	-	
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Mầm non Chiêu Yên	114,239,509			114,239,509				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Mầm non Lục Hành	311,726,670			311,726,670				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Mầm non Quý Quân	82,254,311			82,254,311				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Tiểu học Chiêu Yên	298,297,142			298,297,142				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Tiểu học Lục Hành	279,550,773			279,550,773				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường THCS Chiêu Yên	479,750,160			479,750,160				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường THCS Lục Hành	183,184,838			183,184,838				
	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập (Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, chi thường xuyên)	Trường Phổ thông DTBT TH và THCS Quý Quân	46,721,266			46,721,266				
2	Quản lý nhà nước. Đảng, Đoàn thể		918,657,337	-	-	130,357,337	788,300,000	-	-	
2.1	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước		130,357,337	-	-	130,357,337	-	-	-	
	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước (Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của cán bộ, công chức)	Văn phòng HĐND-UBND xã	115,357,337			115,357,337				

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyên nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước (Kinh phí mua Mua máy in màu phục vụ công tác chuyên môn)	Văn phòng Đảng ủy xã Lục Hành	15,000,000			15,000,000				
2.2	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán		788,300,000	-	-	-	788,300,000	-	-	
	Kinh phí để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã)	Văn phòng HĐND-UBND xã	189,679,000				189,679,000			
	Kinh phí hỗ trợ đi lại và lưu trú cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 25/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Văn phòng HĐND-UBND xã	6,000,000				6,000,000			
	Kinh phí Thăm, tặng quà chúc mừng cơ sở Đạo công giáo, thăm, chúc mừng chúc sắc, chúc việc nhân dịp Lễ Giáng sinh năm 2025	Văn phòng HĐND-UBND xã	5,000,000				5,000,000			
	Kinh phí Thuê nhân công chuyên gao từ xe ô tô vào nhập kho trường Phổ thông DTBT TH&THCS Quý Quân	Văn phòng HĐND-UBND xã	1,600,000				1,600,000			
	Kinh phí Sửa chữa cổng, tường rào, nhà văn hoá Đảng uỷ	Văn phòng Đảng ủy xã Lục Hành	536,221,000				536,221,000			
	Kinh phí Mua thiết bị nhà văn hoá Đảng uỷ (Điều hoà)	Văn phòng Đảng ủy xã Lục Hành	49,800,000				49,800,000			
3	Sự nghiệp kinh tế		17,370,513	-	-	12,370,513	5,000,000	-	-	
3.1	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước		12,370,513	-	-	12,370,513	-	-	-	
	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước (Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 12/2025, chi thường xuyên (Của 04 người trung tâm dịch vụ công))	Văn phòng HĐND-UBND xã	12,370,513			12,370,513				
3.2	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán		5,000,000	-	-	-	5,000,000	-	-	
	Kinh phí hỗ trợ đi lại, lưu trú năm 2005 theo NQ 04 (Trung tâm dịch vụ công)	Văn phòng HĐND-UBND xã	5,000,000				5,000,000			
4	An ninh trật tự và an toàn xã hội		78,000,000	-	-	78,000,000	-	-	-	
4.1	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước		78,000,000	-	-	78,000,000	-	-	-	
	Kinh phí được giao tự chủ của các cơ quan nhà nước (Kinh phí hỗ trợ làm thêm giờ cho thành viên tổ bảo vệ ANTT theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND)	Văn phòng HĐND-UBND xã	78,000,000			78,000,000				
5	Quốc phòng		173,328,000	-	-	-	173,328,000	-	-	
5.1	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán		173,328,000	-	-	-	173,328,000	-	-	
	Kinh phí khám tuyển; đón nhận quân nhân xuất ngũ trở về địa phương,; tiễn đưa tân binh lên đường nhập ngũ	Văn phòng HĐND-UBND xã	117,168,000				117,168,000			
	Phụ cấp DQTƯ tăng thêm theo Nghị định số 16/2025-NĐ-CP	Văn phòng HĐND-UBND xã	56,160,000				56,160,000			

ST T	Nội dung	Đơn vị	Tổng số	Bao gồm						Ghi chú
				Vốn đầu tư phát triển thực hiện chuyên nguồn theo quy định của Luật đầu tư công	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi	Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán	Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách xã năm 2025 chuyển sang	Kinh phí khác theo quy định của pháp luật	
III	Chương trình mục tiêu		1,424,485,400	-	-	-	-	-	1,424,485,400	
1	Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025		1,050,766,000	-	-	-	-	-	1,050,766,000	
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (341-12-10477)	Văn phòng HDND và UBND xã	52,796,000						52,796,000	
	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (341-15-10477)	Văn phòng HDND và UBND xã	93,970,000						93,970,000	
	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (171-15-10476)	Văn phòng HDND và UBND xã	104,000,000						104,000,000	
	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (281-15-10472)	Văn phòng HDND và UBND xã	10,600,000						10,600,000	
	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (071-15-10473)	Văn phòng HDND và UBND xã	339,200,000						339,200,000	
	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (075-15-10474)	Văn phòng HDND và UBND xã	450,200,000						450,200,000	
2	Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		233,424,400	-	-	-	-	-	233,424,400	
	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (282-12-10513)	Văn phòng HDND và UBND xã	101,000,000						101,000,000	
	Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị (281-12-10513)	Văn phòng HDND và UBND xã	7,015,000						7,015,000	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc (292-12-10514)	Văn phòng HDND và UBND xã	101,409,400						101,409,400	
	Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình (398-12-10521)	Văn phòng HDND và UBND xã	24,000,000						24,000,000	
3	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025		140,295,000	-	-	-	-	-	140,295,000	
	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn (161-12-10496)	Văn phòng HDND và UBND xã	200,000						200,000	
	Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam (312-12-10497)	Văn phòng HDND và UBND xã	140,095,000						140,095,000	
b	Số dự tạm ứng tại đơn vị		3,095,341,000	3,095,341,000	-	-	-	-	-	
I	Chi đầu tư XDCB		3,095,341,000	3,095,341,000	-	-	-	-	-	
1	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu và ngân sách huyện chuyển về		1,171,341,000	1,171,341,000	-	-	-	-	-	
	Dự án di dân tập trung hình thành điểm dân cư mới tại thôn Đán Khao, xã Chiêu Yên (8120983)	Văn phòng HDND và UBND xã	180,042,000	180,042,000						

